

Bản án số:19/2019/HS-PT

Ngày: 28-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

- ***Các Thẩm phán:*** Ông Trần Văn Luông;

Ông Trương Văn Lộc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 191/2018/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Trần Xuân P. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Xuân P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2018/HS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Trần Xuân P, sinh năm 1993, tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Tổ 4, thôn 4, xã M, huyện L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Ngọc M, sinh năm 1969 và bà Lê Thị H, sinh năm 1971; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hải C, sinh năm 1993, có hai con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Xuân P có Giấy phép lái xe ô tô hạng C, số 790164074127 do Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/4/2016, có giá trị đến ngày

07/4/2021. Trần Xuân P là lái xe thuê cho ông Huỳnh Công T(không có hợp đồng lao động).

Khoảng 09 giờ 30 ngày 03/11/2017, Trần Xuân P điều khiển xe ô tô biển số 51D – 048.48 lưu thông trên đường ĐT 747 theo hướng từ chợ B về hướng cầu A. Khi lưu thông đến đoạn trên cầu A thuộc khu phố B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Trần Xuân P điều khiển xe 51D – 048.48 do không chú ý quan sát và không giữ khoảng cách an toàn nên Trần Xuân P đã để góc cản trước bên phải (bên lờ) của xe 51D – 048.48 va chạm vào mặt ngoài thanh sắt tròn bên trái khung giá đỡ tự chế phía sau của xe mô tô biển số 35N2 – 2227 do ông Đỗ Văn K, sinh năm 1978 điều khiển chở ông Đỗ Văn X đang lưu thông cùng chiều phía trước. Sau va chạm làm cho xe 35N2 – 2227 do ông Đỗ Văn K điều khiển tiếp tục va chạm vào phần đuôi xe mô tô biển số 60S3 – 0020 do ông Lê Hữu S điều khiển đang lưu thông cùng chiều phía trước. Hậu quả: Xe mô tô biển số 35N2 – 2227 và 60S3 – 0020 cùng ngã nghiêng bên trái hướng xe ô tô 51D – 048.48 lưu thông, làm ông Lê Hữu S và Đỗ Văn X ngã vào bên trong đường bị thương tích, riêng ông Đỗ Văn K bị ngã ra hướng giữa đường bị thương tích nặng, được đi cấp cứu tại bệnh viện D, thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 08/11/2017 thì tử vong; ông Lê Hữu S và Đỗ Văn X bị thương tích nhẹ, xe mô tô biển số 35N2 – 2227 và mô tô biển số 60S3 – 0020 hư hỏng nhẹ.

Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe ô tô biển số 51D – 048.48 và xe mô tô biển số 35N2 – 2227 là góc bên phải (bên lờ) cản trước của xe ô tô va chạm với mặt ngoài thanh sắt tròn bên trái khung giá đỡ phía sau tự chế của xe mô tô, xe ô tô biển số 51D – 048.48 và xe mô tô 35N2 – 2227 lưu thông cùng chiều với nhau, xe mô tô lưu thông phía trước bên phải (bên lờ) xe ô tô; va chạm với mặt đường tạo nên các dấu vết trên phương tiện, khi xảy ra tai nạn giao thông tốc độ xe ô tô biển số 51D – 048.48 lớn hơn tốc độ xe mô tô biển số 35N2 – 2227.

Tại biên bản dựng lại hiện trường thể hiện: Hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra trên đoạn đường thẳng, trên cầu A, mặt đường trải nhựa rộng 07 mét, giữa mặt đường không có vạch sơn trắng kẻ đường. Chọn mép lề phải đường ĐT 747 theo hướng lưu thông từ chợ B về hướng cầu A làm mép lề chuẩn và lấy điểm đầu nối cầu bên phải cầu A theo hướng chọn là vật cố định làm điểm chuẩn. Từ vết cày ban đầu, căn cứ theo lời khai của người chứng kiến và người có liên quan xác định vị trí của các phương tiện ngã sau khi xảy ra vụ việc tai nạn giao thông như sau: Vị trí tài xế điều khiển xe tải 51D – 048.48 nhìn thấy xe mô tô biển số 35N2-2227 và xe mô tô biển số 60S3 – 0020 (ký hiệu là số 1), vị trí xe 35N2-2227 khi tài xế xe 51D – 048.48 nhìn thấy (ký hiệu là số 2), vị trí xe 60S3 – 0020 khi tài xế xe 51D – 048.48 nhìn thấy (ký hiệu là số 3), vị trí nhân chứng trong vụ tai nạn (ký hiệu là số 4), vị trí xe 51D – 048.48 chạy đến đồng thời nhìn thấy xe 60S3 – 0020 (được ký hiệu là số 5), vị trí xe 60S3 – 0020 khi xe 51D – 048.48 chạy đến vị trí số 5 (được ký hiệu là số 6), vị trí xe 60S3 – 0020 khi xe 51D – 048.48 chạy đến vị trí số 5 (được ký hiệu là số 7), vị trí xe 60S3 – 0020 sau tai nạn (được ký hiệu là số 8); vị trí xe 35N2-2227 (được ký hiệu là số 9), vị trí nạn nhân sau tai nạn (được ký hiệu là số 10), vị trí xe 51D – 048.48 sau tai nạn (được

ký hiệu là số 11), vị trí xe 51D – 048.48 chạy ra khỏi cầu A (được ký hiệu là số 12).

Khoảng cách từ vị trí số (1) đo đến vị trí số (2) là 3,90 m và đo đến điểm đầu nối cầu A bên lề chuẩn là 0,8m, khoảng cách từ vị trí số (2) đo đến số (3) là 2,20 m, khoảng cách từ vị trí số (2) cách mép lề phải là 1,70 m. Vị trí số (4) cách vị trí số (5) là 09 m và cách vị trí số (6) là 11 m; cách vị trí số (7) là 12,9 m. Khoảng cách từ vị trí số (5) cách lề chuẩn là 2,9 m; khoảng cách từ vị trí số (6) cách lề chuẩn là 1,2 m; khoảng cách từ vị trí số (7) cách lề chuẩn là 0,6 m. Tại vị trí số (8) điểm cuối vết cày là vị trí xe 60S3 – 0020 ngã sau khi xảy ra tai nạn giao thông; xe 60S3 – 0020 ngã bên trái đầu hướng sang lề phải, đuôi xe hướng về chợ B. Tại vị trí số (9) xác định vị trí xe 35N2-2227 ngã sau khi xảy ra tai nạn giao thông, đầu xe hướng sang lề trái, đuôi xe hướng về chợ B. Tại vị trí số (10) xác định nạn nhân ngã sau tai nạn giao thông cách mép lề chuẩn là 3,10 m. Vị trí số (11) là vị trí xe 51D – 048.48 sau khi xảy ra tai nạn cách mép lề chuẩn là 3,2 m. Vị trí số (12) xe 51D – 048.48 rời khỏi hiện trường do có nhiều phương tiện lưu thông trên cầu A.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành tạm giữ: Xe ô tô biển số 51D – 048.48 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định; 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Trần Xuân P, xe mô tô biển số 35N2 - 2227 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, xe mô tô biển số 60S3 – 0020 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe.

Bản Kết luận giám định tử thi số 936/PC54-GDPY ngày 12/11/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên nhân tử vong của nạn nhân Đỗ Văn K là do đa chấn thương, chấn thương ngực bụng, dập 2 phổi, vỡ lách đã cắt cấp cứu.

Bản Kết luận giám định dấu vết số 48/GĐ-PC54 ngày 02/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe ô tô biển số 51D – 048.48 và xe mô tô biển số 35N2 – 2227 là góc bên phải (bên lờ) cản trước của xe ô tô va chạm với mặt ngoài thanh sắt tròn bên trái khung giá đỡ phía sau tự chế của xe mô tô, xe ô tô biển số 51D – 048.48 và xe mô tô 35N2 – 2227 lưu thông cùng chiều với nhau, xe mô tô lưu thông phía trước bên phải (bên lờ) xe ô tô; sau va chạm xe mô tô ngã nghiêng bên trái va chạm với mặt đường tạo nên các dấu vết trên phương tiện, khi xảy ra tai nạn giao thông tốc độ xe ô tô biển số 51D – 048.48 lớn hơn tốc độ xe mô tô biển số 35N2 – 2227.

Tại biên bản trích xuất dữ liệu hình ảnh số 03/GĐ-PC54 ngày 15/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định như sau: Chiều hướng và thứ tự các phương tiện trong vụ tai nạn trước khi xảy ra tai nạn lần lượt là xe 60S3 – 0020 lưu thông trước, xe 35N2 – 2227 lưu thông giữa và xe 51D – 048.48 lưu thông sau cùng. Không xác định được diễn biến va chạm của 03 phương tiện trong vụ tai nạn.

- Xe ô tô biển số 51D – 048.48 do ông Huỳnh Công T đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 03/11/2017, Trần Xuân P điều khiển xe 51D – 048.48 gây tai nạn. Ngày 23/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử lý vật chứng số 107 trả lại xe ô tô biển số 51D – 048.48 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định cho ông Huỳnh Công T;

- Xe mô tô biển số 35N2-2227 do bà Đỗ Thị H, là vợ của nạn nhân Đỗ Văn K đứng tên đăng ký. Ngày 21/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử lý vật chứng số 78 trả lại xe mô tô biển số 35N2-2227 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe 35N2-2227) cho bà Đỗ Thị H;

-Xe mô tô nhãn hiệu SUFAT màu đỏ, biển số 60S3 – 0020 do ông Lăng Ngọc H đứng tên chủ sở hữu. Ông Lê Hữu S khai: Xe 60S3 – 0020 ông Lê Hữu S mua lại của một người (không rõ nhân thân), khi mua bán chỉ giao nhận xe cùng giấy đăng ký, không làm thủ tục mua bán theo quy định. Qua tra cứu xác định xe mô tô biển số 60S3 – 0020 không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Ngày 21/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử lý vật chứng số 91 trả lại xe mô tô biển số 60S3 – 0020 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe 60S3 – 0020) cho ông Lê Hữu S; Riêng đối với ông Lăng Ngọc H qua xác minh hiện tại ông Lăng Ngọc H không còn ở tại nơi cư trú.

- Xe mô tô biển số 60S3 – 0020, sau tai nạn bị hư hỏng nhẹ, ông Lê Hữu S tự sửa chữa không yêu cầu gì về dân sự.

Đối với ông Lê Hữu S, ông Đỗ Văn X sau tai nạn chỉ bị thương tích nhẹ nên không có yêu cầu về dân sự và cũng không yêu cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Huỳnh Công T và Trần Xuân P hỗ trợ chi phí mai táng và tổn thất tinh thần cho đại diện gia đình nạn nhân Đỗ Văn K là bà Đỗ Thị H và bà Phạm Thị B (là vợ và mẹ ruột nạn nhân) với số tiền 250.000.000 đồng (cụ thể: Trần Xuân P 70.000.000 đồng và ông Huỳnh Công T 180.000.000 đồng). Bà Đỗ Thị H và bà Phạm Thị B không có yêu cầu gì thêm, có đơn bãi nại và đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho Trần Xuân P.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân P phạm tội “ Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Trần Xuân P 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/11/2018, bị cáo Trần Xuân P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (thay đổi hình phạt áp dụng đối với bị cáo) để bị cáo có điều kiện lo cho hai con.

Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Bị cáo kháng cáo trong thời gian quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm để xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Xuân P về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, tuy nhiên bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân P khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và nói lời nói sau cùng, bị cáo biết lỗi và rất ăn năn hối cải, bị cáo đã thăm hỏi, động viên bồi thường tiền mai táng cho gia đình bị hại và gia đình bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi hai con nhỏ. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội chăm sóc gia đình và nuôi hai con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Xuân P đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, bản cáo trạng và tại phiên tòa sơ thẩm như sau: Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 03/11/2017, bị cáo Trần Xuân P điều khiển xe ô tô tải biển số 51D-048.48 lưu thông theo hướng từ chợ B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương về hướng thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Khi đến cầu A thuộc phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Trần Xuân P điều khiển xe ô tô bật xi nhan trái vượt lên thì góc cản trước bên phải của xe 51D-048.48 va chạm vào mặt ngoài thanh sắt tròn bên trái khung giá đỡ tự chế phía sau của xe mô tô biển số 35 N2-2227 do ông Đỗ Văn K chở ông Đỗ Văn X điều khiển lưu thông cùng hướng. Sau va chạm, xe 35N2-2227 tiếp tục va chạm vào phần đuôi xe mô tô biển số 60S3-0020 do ông Lê Hữu S điều khiển đang lưu thông cùng chiều phía trước. Dẫn đến ông Đỗ Văn X và ông Lê Hữu S ngã vào bên trong đường bị thương tích, riêng ông Đỗ Văn K bị ngã ra hướng giữa đường bị thương tích nặng, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện D, Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 08/11/2017 thì tử vong. Như vậy, Trần Xuân P điều khiển xe ô tô vượt lên phía trước nhưng không chú ý quan sát và không giữ khoảng cách an toàn là vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8, khoản 1 Điều 9 và Điều 12 của Luật Giao thông đường bộ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Xuân P về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202

Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xâm hại đến an toàn trật tự giao thông công cộng. Bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thiếu ý thức khi tham gia giao thông và gây ra cái chết thương tâm cho bị hại. Tuy nhiên, sau khi gây ra tai nạn, bị cáo Trần Xuân P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả và gia đình bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi hai con nhỏ (một con sinh năm 2016, một con sinh năm 2017). Đồng thời, bị hại cũng có một phần lỗi khi điều khiển phương tiện là xe mô tô tham gia giao thông nhưng có gắn khung giá đỡ tự chế công kênh, không đúng quy định của pháp luật (góc bên phải (bên lơ) cản trước của xe ô tô biển số 51D – 048.48 va chạm với mặt ngoài thanh sắt tròn bên trái khung giá đỡ phía sau tự chế của xe mô tô biển số 35N2 – 2227).

Vì vậy, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội. Trường hợp của bị cáo Trần Xuân P đủ điều kiện để cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho xã hội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân P và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T về phần hình phạt cho đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Xuân P không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân P; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Xuân P 01 (một) năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/01/2019).

Giao bị cáo Trần Xuân P về Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bình Thuận trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trần Xuân P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Trần Xuân P không phải nộp.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|---|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã T; | 2 |
| - VKSND thị xã T; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã T; | 1 |
| - Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Công an thị xã T; | 1 |
| - Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bình Thuận; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS. | 3 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức